

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày 27 tháng 12 năm 2021.  
V/v: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trần Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Môn;
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân** thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 296/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 (có mặt tại phiên tòa).
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957 (vắng mặt tại phiên tòa).

Đều cư trú tại: Số nhà 105, đường Nguyễn Hồng, phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn H chung sống như vợ chồng từ năm 1992, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Đến ngày 06/10/2010 thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh B. Vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nảy sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng ly thân từ

năm 2020. Nay, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Nguyễn Thị Lệ H, sinh ngày 26/10/1992 và Nguyễn Sơn T, sinh ngày 11/6/1998, đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà và ông Nguyễn Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản làm việc ngày 18/11/2021, bị đơn là ông Nguyễn Văn H xác định:*

Ông bà chung sống với nhau từ năm 1991, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đến ngày 06/10/2010 thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh B. Trong cuộc sống, vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất hàng ngày. Nhưng, ông thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông mong muốn bà Nguyễn Thị H rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Nguyễn Thị Lệ H, sinh ngày 26/10/1992 và Nguyễn Sơn T, sinh ngày 11/6/1998, đều đã trưởng thành.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Nguyễn Văn H vẫn không có mặt để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H thì thấy: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn H vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn H.

### **[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 1992, đăng ký kết hôn ngày 06/10/2010, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, theo trình bày của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H thì cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân, không ai còn tình cảm và quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H mặc dù xin được đoàn tụ vợ chồng nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải và các phiên tòa, nên Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

**[3]. Về con chung:** Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Thị Lệ H, sinh ngày 26/10/1992 và Nguyễn Sơn T, sinh ngày 11/6/1998, đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:** Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc đương sự phải chịu án phí.

Áp dụng điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số: 0001066 ngày 06/10/2021. Xác nhận bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà Nguyễn Thị H có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND tp B;
- CCTHADS tp B ;
- UBND thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh B;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trần Kiên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Trần Kiên**

